TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC TRỌNG** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/DS-ST
Ngày: 20/3/2023
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan Hương
2. Ông Võ Khắc Chương

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Trần Bảo Phương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 282/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Trần Thu H**, sinh năm: 1999.

Địa chỉ: Số X, đường H, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà **Hồ Thị S**.

Địa chỉ: Số nhà Y, thôn L, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người làm chứng: Bà **Võ Thị Xuân T**, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Số nhà Y, thôn L, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 10 năm 2022, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Trần Thu H trình bày: Do bà Hồ Thị S và mẹ bà có quen biết với nhau nên vào ngày 06/11/2020 bà Hồ Thị S có vay của bà số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* để đáo hạn Ngân

hàng. Thời hạn vay là 01 tháng, tức là ngày 06/12/2020 bà S sẽ phải trả số tiền trên cho bà. Chữ ký trong giấy mượn tiền ngày 06/11/2020 là chữ ký của bà Hồ Thị S, có bà Võ Thị Xuân T là con dâu bà S ký làm chứng. Lãi suất do hai bên tự thỏa thuận miệng, không thể hiện trong giấy mượn tiền. Đến hạn trả nợ, bà nhiều lần đến nhà bà S yêu cầu bà S trả tiền cho bà nhưng bà S hẹn bà hết lần này đến lần khác, những lần sau đến bà S đóng cửa, bà gọi điện thoại bà S không nghe máy. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hồ Thị S trả cho bà số tiền gốc 100.000.000 đồng *(một trăm triệu đồng),* bà không yêu cầu bà S trả tiền lãi. Ngoài ra, bà không có yêu cầu nào khác.

Tòa án đã thực hiện tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà Hồ Thị S hợp lệ nhưng bà S vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Trần Thu H. Buộc bà Hồ Thị S có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Trần Thu H số tiền gốc 100.000.000 đồng, bà H không yêu cầu tính lãi nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Xuất phát từ yêu cầu của bà Nguyễn Trần Thu H yêu cầu bà Hồ Thị S trả số tiền vay là 100.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 06/11/2020, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Bị đơn bà Hồ Thị S cư trú tại số nhà Y, thôn L, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Ngày 06/11/2020 bà Nguyễn Trần Thu H cho bà Hồ Thị S vay số tiền 100.000.000 đồng *(một trăm triệu đồng)*, lý do vay để đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay là hẹn ngày 06/12/2020 sẽ hoàn trả, về lãi vay không thể hiện trong giấy mượn tiền. Do bà H đòi nhiều lần nhưng bà S không trả nên bà H yêu cầu bà S trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*, bà H không yêu cầu bà S trả tiền lãi. Theo bà H, giấy mượn tiền ngày 06/11/2020 do bà Võ Thị Xuân T là con dâu của bà S viết và ký tên với tư cách là người làm chứng, bà Hồ Thị S ký tên người mượn tiền.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Tại chứng cứ nguyên đơn cung cấp là giấy có tiêu đề *"Giấy mượn tiền"* lập ngày 06/11/2020, nội dung thể hiện bà Hồ Thị S mượn của bà Nguyễn Trần Thu H số tiền là 100.000.000 đồng *(một trăm triệu đồng)*, có chữ ký của người mượn Hồ Thị S, người làm chứng Võ Thị Xuân T. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà S theo đúng trình tự quy định để bà S thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng bà S không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố. Đối với người làm chứng bà Võ Thị Xuân T Tòa án cũng đã triệu tập lên làm việc để lấy lời khai nhưng bà T vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định chứng cứ nguyên đơn cung cấp là hợp lệ và đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Hồ Thị S có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Trần Thu H số tiền gốc là 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng).*

Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Trần Thu H về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* đối với bị đơn bà Hồ Thị S.

Buộc bà Hồ Thị S có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Trần Thu H số tiền gốc là 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*. Bà Nguyễn Trần Thu H không yêu cầu bà Hồ Thị S trả tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc bà Hồ Thị S phải chịu 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Trần Thu H số tiền 2.500.000 đồng *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0008250 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Hồ Thị S vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA DS huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Thị Hằng